

Bản án số: 40/2026/DSST

Ngày: 31/3/2026

V/v: Tranh chấp về đòi tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lư Khánh T

2. Bà Vũ Thị H

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị N - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực B, Thành phố Hồ Chí M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B, Thành phố Hồ Chí M tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực B, Thành phố Hồ Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1190/2025/TLST-DS ngày 27/10/2025 về việc: “Tranh chấp về đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962;

Địa chỉ thường trú: Tổ 20, Khóm 2, xã Tân H, tỉnh Đồng T.

Địa chỉ liên lạc: 129/21 Hoàng Văn T, phường Phú N, Thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1985; Địa chỉ liên lạc: 231/8 Lê Văn S, phường Phú N, Thành phố Hồ Chí M là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 22/9/2025) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Mộng Y, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: 54/14 Nguyễn B, phường Chợ Q, Thành phố Hồ Chí M.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1935.

Địa chỉ: 54/14 Nguyễn B, phường Chợ Q, Thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị S: Bà Hồ Thị Mộng Y, sinh năm 1957 là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số công chứng 019833 do Văn phòng công chứng Nguyễn Việt C chứng nhận ngày 25/11/2025) (có mặt).

2. Chị Lê Thị Ánh M, sinh năm 1997;

Địa chỉ: 129/21 Hoàng Văn T, Phường 8, quận Phú N (nay là phường Phú N), Thành phố Hồ Chí M.

Người đại diện hợp pháp của chị Lê Thị Ánh M: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1985; Địa chỉ liên lạc: 231/8 Lê Văn S, phường Phú N, Thành phố Hồ Chí M là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số công chứng 000363 do Văn phòng công chứng Dương Đức H chứng nhận ngày 19/01/2026) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H do bà Nguyễn Thị Kim N là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Khoảng năm 2003, do cần thuê nhà ở Phú N nên bà Nguyễn Thị H có đi tìm nhà cho thuê thì gặp bà Hồ Thị Mộng Y là chủ nhà thuê. Qua trao đổi, bà Y cho biết đang cần tiền nên thương lượng với bà H sẽ cầm cố 02 phòng của căn nhà 251/8 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, quận Phú N, Thành phố Hồ Chí M (nhà này ngăn ra rất nhiều phòng) cho bà H và lấy tiền một lần là 30.000.000đồng. Bà Y sẽ cho bà H ở 02 căn phòng này đến khi nào bà Y bán căn nhà 251/8 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, quận Phú N. Thời điểm đó bà H nghĩ thay vì trả tiền thuê phòng hàng tháng, bà H thấy cách bà Y đưa ra đề nghị cũng hợp lý nên chấp nhận và bà H đã đưa cho bà Y 30.000.000đồng để nhận cầm cố 02 phòng trong căn nhà nói trên cho gia đình để ở.

Trong quá trình bà H ở thuê tại căn nhà tên, bà Y nhiều lần hỏi mượn tiền, vàng của bà H. Do muốn có thêm thu nhập từ tiền lãi cho vay nên bà H đã nhiều lần cho bà Y mượn tiền, vàng. Cụ thể:

- Bà Y vay tiền của bà H các lần như sau:

+ Ngày 11/12/2008: bà Y vay bà H số tiền là 25.000.000đồng, lãi suất 1.500.000 đồng/tháng, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 11/12/2008 (theo Giấy vay tiền 11/12/2008).

+ Ngày 01/04/2011: bà Y vay thêm bà H số tiền là 18.000.000đồng, thời hạn vay cũng 6 tháng tính từ ngày vay (ghi chung trong Giấy vay tiền 11/12/2008).

+ Ngày 01/07/2011: bà Y mượn thêm bà H số tiền 40.000.000đồng và 17.000.000đồng, thời hạn vay cũng 6 tháng tính từ ngày vay (ghi chung trong Giấy vay tiền 11/12/2008).

Tổng cộng số tiền bà Y vay của bà H: 100.000.000đồng (những lần vay tiền của bà H, bà Y là người trực tiếp nhận tiền của bà H, còn bà Huỳnh Thị S - mẹ bà Y chỉ là người chứng kiến).

- Bà Y vay vàng của bà H các lần như sau:

+ Ngày 15/01/2010: bà Y có vay của bà H số vàng là 6 lượng vàng SJC, tiền lãi 1,5 chỉ/tháng (tương đương lãi suất 2,5%/tháng 10 lượng vàng SJC), thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 15/01/2010 (theo Giấy mượn vàng ngày 15/01/2010).

+ Ngày 01/06/2010: bà Y vay bà H thêm 2,5 lượng vàng SJC, lãi suất 2,5%/tháng/10 lượng vàng SJC và thời hạn vay cũng là 12 tháng kể từ ngày vay (ghi thêm trong Giấy mượn vàng ngày 15/01/2010).

+ Ngày 18/01/2010: bà Y có vay của bà H số vàng là 4 lượng vàng SJC, lãi suất 2,5%/tháng/10 lượng vàng SJC và thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày vay.

+ Ngày 01/07/2010: bà Y vay của bà H 4 chỉ vàng 999,9, bà Y hứa miệng với bà H lãi suất vay và thời hạn vay (01 năm) cũng như những lần vay trước.

+ Ngày 30/10/2010: bà Y vay của bà H 7 chỉ vàng 999,9 và 1,2 lượng SJC, bà Y hứa miệng với bà H lãi suất vay và thời hạn vay (01 năm) cũng như những lần vay trước.

Tổng cộng số vàng bà Y đã vay của bà H: 13,7 lượng vàng SJC và 11 chỉ vàng 999,9 (những lần vay vàng của bà H, bà Y là người trực tiếp nhận vàng từ bà H, còn bà Huỳnh Thị S - mẹ bà Y chỉ là người chứng kiến).

Bà Y đã nhận đủ số tiền và vàng nêu trên. Đến thời hạn thanh toán, bà H thường xuyên trực tiếp gặp bà Y để yêu cầu bà Y hoàn trả toàn bộ gốc và lãi. Bà Y hứa hẹn khi bán được căn nhà 251/8 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, quận Phú N sẽ trả bà H đầy đủ. Bà H tin tưởng chờ đợi nhưng đến năm 2017, bà Y bán căn nhà 251/8 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, quận Phú N với giá 18.000.000.000đồng không báo cho bà H biết, người mua mới đuổi bà H ra khỏi nhà, bà H vô cùng khổ sở nhiều lần năn nỉ bà Y trả tiền để bà H có điều kiện thuê nhà khác ở, nhưng bà Y vẫn không chịu trả.

Sau khi bán nhà, bà Y và mẹ bà Y (bà S) hiện đang trú tại địa chỉ 54/14 Nguyễn B, phường Chợ Q (Phường 1, Quận 5 cũ), Thành phố Hồ Chí M (là địa chỉ ghi trên các giấy vay tiền, vàng). Bà H cũng đã tìm tới tận đây yêu cầu bà Y trả tài sản đã vay nhưng bà Y vẫn nhất định không trả và còn thách thức bà H đi kiện.

Tại phiên hòa giải ngày 03/02/2026, bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không đòi bà Y trả 100.000.000đồng, mà chỉ yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Hồ Thị Mộng Y phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H số vàng đã vay của bà H là: 12 lượng vàng 999,9. Trường hợp bà Y không có vàng để trả thì bà H đề nghị quy ra tiền để trả, căn cứ theo giá vàng tại thời điểm trả.

Tại phiên toà, đại diện của nguyên đơn cho rằng bà H vẫn giữ việc rút yêu cầu bà Y trả 100.000.000đồng và thời gian qua bà Y có trả cho bà H số vàng là 05 (năm) phân vàng 999,9, do đó nay bà H chỉ yêu cầu bà Y trả 11 lượng 9,5 phân vàng 999,9 (loại vàng nhẫn một chỉ, hai chỉ). Đồng thời, bà H yêu cầu bà Y trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Hồ Thị Mộng Y trình bày:

Mẹ bà là bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1935 (91 tuổi) là chủ căn nhà số 251/8 đường Huỳnh Văn Trỗi, Phường 10, quận Phú N. Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1962, là người thuê nhà để ở với hình thức thế chấp phòng.

Trong thời gian này do căn nhà 251/8 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, quận Phú N có tranh chấp với người mua nhà là ông Trần Kim Chung - chủ tịch tập đoàn

CT group để cho chị ruột là bà Trần Thị Lệ Thủy đứng tên mua nhà với giá mua nhà là 1.000 lượng vàng SJC (Một ngàn lượng vàng SJC). Mẹ bà đã nhận cọc của bà Thủy là 230 lượng vàng SJC (Hai trăm ba mươi lượng vàng SJC). Trong khi chờ giải quyết vụ án thì mẹ của bà do khó khăn nên có vay của chị Nguyễn Thị H (Do bà ghi nhận giấy vay và đứng tên Hồ Thị Mộng Y) một số vàng và tiền, hứa sẽ trả lại cho chị H khi được giải quyết vụ kiện và bán nhà sẽ trả đủ lại cho chị Nguyễn Thị H. Nhưng do bị rơi vào thời điểm bất động sản bị đóng băng không bán nhà được, dẫn đến việc phải bị Thi hành án bán đấu giá căn nhà 251/8 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, quận Phú N. Từ 1000 lượng vàng SJC (Một ngàn lượng vàng SJC) tương đương tại thời điểm hơn 45 tỷ đồng Việt Nam (Bốn mươi lăm tỷ đồng Việt Nam) chỉ còn 17.230.000.000đồng và số tiền vay bên Thi hành án quận Phú N gửi toàn bộ để chi trả cho những bản án đòi nợ của cha bà là ông Hồ Văn Thành sinh năm 1933 (đã mất) và mẹ bà. Nhưng chị Nguyễn Thị H là người không kiện đòi nợ, nên không được cơ quan Thi hành án quận Phú N chi trả.

Căn nhà này mẹ bà cho nhiều người thế chấp phòng để ở, chị Nguyễn Thị H có thế chấp 02 phòng và cũng được nhận tiền từ phòng Thi hành án quận Phú N.

Còn số vàng và tiền chị cho mẹ của bà và bà mượn chưa có để trả lại cho chị H. Cụ thể, theo giấy mượn nợ bà đã ký nhận với chị Nguyễn Thị H, nay bà công nhận số tiền nợ này như sau:

* 12 lượng 3 vàng SJC và 100.000.000đồng.

Trong suốt thời gian mượn bà có trả cho chị Nguyễn Thị H 4 chỉ vàng SJC (Bốn chỉ vàng SJC) và tiền mặt, chuyển khoản cho chị Nguyễn Thị H như sau:

- + Ngày 30/10/2020: Trả tiền mặt 20.000.000đồng có ký nhận;
- + Ngày 28/12/2020: Chuyển khoản 10.000.000đồng
- + Chuyển cho chị H mượn nhà: 5.000.000đồng có ký nhận;
- + Ngày 26/4/2021: Trả tiền mặt 2.000.000đồng có ký nhận;
- + Ngày 30/6/2020: Chuyển khoản 6.000.000đồng;
- + Chị H về quê chuyển khoản 500.000đồng;
- + Chuyển khoản thêm cho chị H 500.000đồng;
- + Chuyển khoản cho M (con gái chị H) 500.000đồng;
- + Ngày 09/12/2021: Chuyển khoản 1.000.000đồng;
- + Ngày 19/12/2021: Chuyển khoản cho M (con gái chị H) 500.000đồng;
- + Ngày 27/12/2021: Chuyển khoản 1.000.000đồng;
- + Ngày 26 tết 2021: Trả tiền mặt 5.000.000đồng;
- + Ngày 14/3/2022: Chuyển khoản 1.000.000đồng;
- + Ngày 26/3/2022: Chuyển khoản 2.000.000đồng;
- + Ngày 22/4/2022: Chuyển khoản và đưa tiền mặt 2.500.000đồng;
- + Ngày 19/5/2022: Chuyển khoản 700.000đồng;

- + Ngày 26/7/2022: Trả 4 chỉ vàng (9999);
- + Ngày 21/1/2023: Chuyển khoản 9.150.000đồng;
- + Ngày 03/12/2023: Trả tiền mặt 500.000 đồng;
- + Chuyển khoản 1.000.000đồng;
- + Ngày 17/12/2023: Chuyển khoản 1.000.000đồng;
- + Ngày 28/12/2023: Chuyển khoản 1.000.000đồng;
- + Ngày 02/01/2024: Chuyển khoản 1.000.000đồng;
- + Tết 2024 chuyển khoản: 2.000.000đồng;
- + Ngày 08/08/2024: Chuyển khoản 1.000.000đồng;
- + Ngày 25/01/2025: Trả tiền mặt 10.000.000đồng;
- + Chuyển khoản cho chị H mua xe bán nước 10.000.000đồng;
- + Ngày 02/05/2025: Chuyển khoản cho chị H thuê và cọc nhà 10.000.000đồng;
- + Chuyển khoản cho chị H về quê đám giỗ Lan 5.000.000đồng;

Tổng cộng bà đã trả được cho chị H là: 04 chỉ vàng SJC (Bốn chỉ vàng SJC) và tổng tiền chuyển khoản và tiền mặt là 129.850.000 đồng. Với số tiền và vàng ghi trên, bà xin được công nhận trả vào tiền vay và vàng của chị H.

Do đó đối với số tiền 100.000.000đồng bà đã trả cho bà H nên không đồng ý trả thêm. Đối với số vàng bà chỉ đồng ý trả 12 lượng vàng 999,9 vì hiện tại rất khó khăn không có khả năng trả nợ, đồng thời do thời điểm mượn vàng và thời điểm trả vàng với mức chênh lệch rất lớn nên cũng khó khăn cho bà. Thời điểm mượn vàng chỉ mượn vàng nhẫn, do quen tay nên viết là vàng SJC. Vì vậy, bà đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn là trả số vàng còn nợ là 11 lượng 9,5 phân vàng 999,9 (loại vàng nhân một chỉ, hai chỉ) và bà xin thời hạn thanh toán trong vòng 03 tháng, hạn chót thanh toán vào ngày 03/5/2026.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ánh M do bà Nguyễn Thị Kim N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Lê Thị Ánh M là con ruột của bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn Chín (sinh 1952 - chết năm 2016).

Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn Chín có chung sống như vợ chồng từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2016, ông Lê Văn Chín chết, có giấy chứng tử. Cha mẹ của ông Lê Văn Chín đã chết từ rất lâu và chết trước ông Lê Văn Chín, không rõ họ tên và không có chứng tử. Ông Lê Văn Chín và bà Nguyễn Thị H có 01 người con chung duy nhất tên là Lê Thị Ánh M, sinh ngày 06/11/1997. Ngoài người con chung này, ông Lê Văn Chín không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Do số tiền và vàng bà H cho bà Y vay trong thời kỳ sống chung với ông Lê Văn Chín. Đồng thời, trong những giấy vay tiền, vàng bà Y đều xác định vay của

ông Lê Văn Chín và bà Nguyễn Thị H. Ông Chín đã chết năm 2016, vì vậy người thừa kế của ông Chín là bà Lê Thị Ánh M.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H thì bà Lê Thị Ánh M thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B, Thành phố Hồ Chí M tham dự phiên tòa phát B ý kiến:

- Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; H đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị H đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H: buộc bà Hồ Thị Mộng Y phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tài sản đã vay của bà H là: 11 lượng 9,5 phân vàng 999,9 (loại vàng nhẫn một chỉ, hai chỉ).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với số tiền nợ là 100.000.000đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định, tuy nhiên do bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, H đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Về tư cách tham gia tố tụng của người đại diện theo ủy quyền của các đương sự là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Ngày 03/02/2026, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000đồng, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị Mộng Y trả lại số vàng đã mượn. H đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, do đó có cơ sở để đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu số tiền nợ nêu trên.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2025 thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Hồ Thị Mộng Y trả lại 13,7 lượng vàng SJC, 11 chỉ vàng 999,9 và số tiền 100.000.000đồng. Do vậy, H đồng xét xử nhận định đây là “Tranh chấp đòi tài sản” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về quyền đối với tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Hồ Thị Mộng Y cư trú tại địa chỉ 54/14 Nguyễn B, phường Chợ Q, Thành phố Hồ Chí M. Căn cứ Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí M.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị Mộng Y phải trả lại 12 lượng vàng 999,9.

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, H đồng xét xử xét thấy:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh dựa trên việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền và vàng theo các Giấy vay tiền và Giấy mượn vàng. Tại thời điểm ký các Giấy nêu trên, đương sự đều đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực pháp luật dân sự, các Giấy vay, mượn đều có sự ký nhận của các bên, đồng thời dựa trên sự thống nhất thừa nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, do đó chứng minh được việc bà Hồ Thị Mộng Y đã nhận tiền và vàng từ bà Nguyễn Thị H. Các bên đương sự thống nhất xác nhận đến thời điểm hiện tại, bà Y còn giữ của bà H số vàng 11 lượng 9,5 phân vàng 999,9 (loại vàng nhẫn một chỉ, hai chỉ).

Tuy nhiên, bị đơn đã không thực hiện đúng cam kết đã ký trong các Giấy vay tiền và Giấy mượn vàng, cụ thể bà Hồ Thị Mộng Y đã không trả lại số tiền và vàng đã mượn của bà Nguyễn Thị H như đã thỏa thuận. Như vậy, số vàng trên đã nhận từ bà H mà bị đơn bà Y đang chiếm hữu là không có căn cứ. Do đó, theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015: *“Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật”*, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị Mộng Y hoàn trả lại số vàng trên là hoàn toàn có căn cứ.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện và H đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ này đều có căn cứ để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hồ Thị Mộng Y cũng đã thừa nhận việc chiếm hữu số vàng của nguyên đơn, như vậy đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã chiếm hữu số vàng trên mà không có căn cứ thì phải hoàn trả lại cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 579, 580 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận, nên buộc bà Hồ Thị Mộng Y phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tài sản đã vay của bà H là: 11 lượng 9,5 phân vàng 999,9 (loại vàng nhẫn một chỉ, hai chỉ).

[2.2]. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Hồ Thị Mộng Y phải hoàn trả lại số vàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật: H đồng xét xử xét thấy, số vàng mà bị đơn chiếm giữ của nguyên đơn thời gian đã lâu, như vậy đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu buộc bà H phải hoàn trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Do bà Nguyễn Thị H rút lại yêu cầu bà Hồ Thị Mộng Y trả số tiền 100.000.000 đồng, nên H đồng xét xử xét thấy đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị trả số tiền 100.000.000 đồng.

[2.4]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị S có cùng ý kiến như bà Y trình bày và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ánh M cũng có yêu cầu như bà H trình bày, do đó H đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự.

[4]. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí M tại phiên tòa là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Hồ Thị Mộng Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định như sau: 11 lượng 9,5 phân vàng 999,9 (loại vàng nhẫn một chỉ, hai chỉ) tương đương với số tiền 2.180.000.000đồng (174.900.000đồng/lượng vàng 999,9 (loại vàng nhẫn một chỉ, hai chỉ)). Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do bà Y là người cao tuổi và có đơn yêu cầu nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H:

Buộc bà Hồ Thị Mộng Y phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tài sản là: 11 (Mười một) lượng 9,5 (Chín phẩy năm) phân vàng 999,9 (loại vàng nhẫn một chỉ, hai chỉ).

Thời hạn hoàn trả là hoàn trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

3. Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Hồ Thị Mộng Y được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được

bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực B;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Hồng Nam